TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2024/QĐST-DS	*Tp. Trà Vinh, ngày 05 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 274/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh A, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông A là ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975, theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2021.

Địa chỉ: Số F, đường P, khóm R, phường Q, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*:

1/- Ông Lê Thanh B, sinh ngày 17/7/1971

2/- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà D là ông Lê Thanh B, sinh ngày 17/7/1971, theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2021

Địa chỉ: Ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/- Ông Lê Thanh M, sinh ngày 20/9/1993

2/- Bà Lê Thanh G, sinh ngày 15/7/1990

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho ông M và bà G là ông Lê Thanh B, sinh ngày 17/7/1971, theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022 và ngày 08/01/2024

Địa chỉ: Ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3/- Ông Lê Văn C, sinh năm 1945

Địa chỉ: Ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Phần đất diện tích có ký hiệu chữ (A) theo biên bản khảo sát ngày 25/01/2022, diện tích 157,4m^2 trong tổng diện tích 292,4m^2 thuộc thửa 340, tờ bản đồ số 94, tọa lạc tại ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là của ông Lê Thanh A.

- Bị đơn ông Lê Thanh B, ông B là người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị D, cũng là người đại diện hợp pháp cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh M, bà Lê Thanh G đồng ý trả cho nguyên đơn ông Lê Thanh A phần đất diện tích có ký hiệu chữ (A) theo biên bản khảo sát ngày 25/01/2022, diện tích 157,4m^2 trong tổng diện tích 292,4m^2, thuộc thửa 340, tờ bản đồ số 94, loại đấy chuyên trồng lúa nước ,tọa lạc tại ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mà gia đình ông B đang sử dụng.

Đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp đường nhựa có số đo 17,01m, giáp thửa 341 có số đo 3,52m;

Hướng Tây giáp thửa 350 có số đo 12,96m;

Hướng Nam giáp thửa 340 có số đo 3,05m, giáp thửa 341 có số đo 7,25m;

Hướng Bắc giáp thửa 340 (hiện trạng bờ đất) có số đo 13,75m.

(có sơ đồ thửa đất kèm theo)

- Nguyên đơn ông Lê Thanh A tự nguyện đồng ý hoàn trả giá trị sang lấp tôn tạo và giá trị hàng rào cho bị đơn ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh M, bà Lê Thanh G với số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng tổng cộng là: 6.114.000 (sáu triệu một trăm mười bốn nghìn) đồng, nguyên đơn ông Lê Thanh A tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được cấn trừ vào số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên nguyên đơn ông Lê Thanh A được nhận lại 13.886.000 (mười ba triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn) đồng, nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn ông Lê Thanh B không phải chịu tiền chi phí tố tụng nên được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà ông B đã nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng, nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn ông Lê Thanh B có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố "Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất" giữa phần đất diện tích khoảng 300m^2, thuộc một phần thửa đất số 350 với phần đất diện tích 237,8m^2 trong tổng diện tích 292,4m^2 thuộc thửa đất số 340, cùng tờ bản đồ số 94, tọa lạc tại ấp H, xã K, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào ngày 10 tháng 01 năm 2024. Do đó, Tòa án M chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố mà bị đơn ông Lê Thanh B đã rút. Ông B được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ông Lê Thanh A phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp 3.750.000 (ba triệu bảy

trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005899, ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên ông A được nhận lại 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền thừa, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ông Lê Thanh B phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013479, ngày 23 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên ông B được nhận lại 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền thừa, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục Thi hành án DS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Bích Chi